

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

MẠCH NHA

bì gồm 1 lớp tế bào có thành mỏng. Các bó gỗ cấp 1 xếp thành dãy. mạch lớn phía trong và mạch nhỏ phía ngoài xếp xen kẽ với bó libe cấp 1. Vùng mô mềm ruột hẹp gồm các tế bào có thành mỏng, kích thước nhỏ hơn tế bào mô mềm vỏ, rải rác có tế bào chứa bó tinh thể calci oxalat hình kim thường nhỏ hơn các tế bào xung quanh.

Bột

Mảnh bản gồm những tế bào nhiều cạnh có thành dày. Mảnh mô mềm gồm tế bào có thành mỏng, hình tròn hoặc nhiều cạnh, có chứa tinh thể calci oxalat hình kim dài 40 µm đến 70 µm, rộng 2 µm đến 4 µm, đứng riêng rẽ hay xếp thành từng bó. Tế bào mô cứng hình chữ nhật có thành dày, khoang rộng, có ống trao đổi rõ, thường xếp thành từng đám.

Định tính

A. Quan sát mặt cắt ngang của dược liệu dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm thấy có phát quang màu xanh nhạt sáng, mạnh nhất ở vùng lõi và giảm dần ở vùng vỏ.
B. Lấy 1 g bột dược liệu, thêm 15 ml *ethanol* 70 % (TT), đun hồi lưu trên bếp cách thủy 15 min, lọc. Lấy khoảng 1 ml dịch lọc pha loãng với *nước cất* thành 10 ml. Lắc mạnh 15 s, có bột bền.

C. Lấy 1 g bột dược liệu, thêm 15 ml *nước*, đun trong cách thủy 15 min, lọc. Lấy 1 ml dịch lọc thêm 1 ml *thuốc thử Fehling* (TT), đun sôi, có kết tủa đỏ gạch.

D. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Dicloromethan - methanol - nước (8 : 2 : 0,3).

Dung dịch thử: Lấy khoảng 5,0 g bột dược liệu vào bình cầu cổ mài 250 ml, thêm 100 ml *methanol* (TT). Đun hồi lưu trên cách thủy 60 min. Để nguội, lọc. Rửa bã dược liệu bằng 10 ml *methanol* (TT). Gộp dịch lọc và dịch rửa. Cắt thu hồi dung môi tới cạn. Hòa lẫn và chuyển hỗn hợp thu được vào bình chiết dung tích 100 ml bằng 25 ml *nước*. Thêm 25 ml *n-butanol bão hòa nước* (TT). Lắc kỹ. Lấy dịch chiết *n-butanol* và bay hơi trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cặn trong 3 ml *methanol* (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy khoảng 5,0 g bột Mạch môn (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan ophiopogonin D chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 1 mg/ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 4 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch acid sulfuric 10 % trong ethanol* (TT), sấy ở 120 °C cho đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu hoặc phải có vết tương

đương về vị trí và cùng màu với vết ophiopogonin D trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 18,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 5,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid hydrochloric

Không quá 1,0 % (Phụ lục 9.7).

Tạp chất

Không quá 1 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không được ít hơn 60,0 % tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết lạnh (Phụ lục 12.10).

Dùng *nước* làm dung môi.

Chế biến

Lấy dược liệu chưa bỏ lõi, loại bỏ tạp chất, rửa sạch, ủ mềm, đập dẹt, rút bỏ lõi, phơi khô.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô mát, tránh mốc.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, nếu đổi màu đen không được dùng, chống ẩm mốc, nên dùng trong 30 ngày.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt hơi đắng, tính hơi hàn. Vào các kinh phế, vị, tâm.

Công năng, chủ trị

Nhuận phế, dưỡng vị, thanh tâm hỏa, dưỡng âm, sinh tân dịch. Chủ trị: Phế táo ho khan, ho lao (hư lao khái thấu). Tân dịch bị tổn thương, khô miệng, khát. Tâm phiền mất ngủ. Trị chứng tiêu khát (tiểu đường); bạch hầu; táo bón.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 8 g, có thể dùng 12 g, dạng thuốc sắc.

Kiêng kỵ

Tùy vị hư hàn, tiết tả không được dùng.

MẠCH NHA

Hordei germinatus Fructus

Quả chín (còn gọi là hạt) đã nảy mầm được làm khô của cây lúa Đại mạch (*Hordeum vulgare* L.), họ Lúa (Poaceae). Lấy hạt lúa Đại mạch loại bỏ tạp chất, rửa sạch, ngâm nước cho đủ ẩm, vớt ra để ráo, ủ ở nhiệt độ thích hợp và giữ ẩm đến khi hạt nảy mầm có độ dài khoảng 5 mm (khoảng 2 ngày đến 5 ngày), lấy ra phơi khô.

Mô tả

Mạch nha hình thoi dài 8 mm đến 12 mm, đường kính 3 mm đến 4 mm, mặt ngoài màu vàng nhạt, trên lưng có mây bao quanh với 5 đường gân và râu dài đã gãy rụng. Phía bụng được bao trong mây hoa, bóc bỏ vỏ ngoài thấy mặt bụng

MAI MỰC

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

có một rãnh dọc, phần dưới mọc ra mầm non và rễ con, mầm non dài dạng mũi mác, dài 0,5 cm với vài sợi rễ nhỏ cong queo. Chất cứng, mặt bẻ gãy màu trắng có tinh bột. Không mùi, vị hơi ngọt.

Ghi chú: Hạt lúa mạch đã nảy mầm, có mầm đều, khô chắc, không mọc một là loại tốt. Không dùng Mạch nha còn cả vỏ, không có mầm.

Bột

Bột màu trắng xám. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Hạt tinh bột đơn, gần tròn, đường kính dao động từ 3 μm đến 60 μm , rốn hình chữ V hay có dạng rãnh. Mảnh biểu bì ngoài của vỏ trấu và mày trên bề mặt có các tế bào dài được xếp xen kẽ với hai tế bào ngắn. Các lông che chở của hạt thường mảnh, hầu hết bị gãy. Lông che chở của biểu bì vỏ trấu với thành khá dày. Lông che chở của vảy lá có hình nón, với thành hơi dày.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Toluen - cloroform - ethyl acetat* (10 : 10 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g bột dược liệu vào bình nón 100 ml, thêm 30 ml *ethanol* (TT), siêu âm trong 40 min, lọc. Thêm vào dịch lọc 1,5 ml *dung dịch kali hydroxyd 50 %* (TT), đun hồi lưu trong cách thủy 15 min, làm nguội bằng cách để trong cách thủy đá 5 min. Chuyển vào một bình chiết, rửa bình nón 2 lần mỗi lần với 20 ml nước và gộp nước rửa vào bình chiết. Chiết với *ether dầu hòa* (30 °C đến 60 °C) (TT) 3 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch chiết ether dầu hòa, để bay hơi đến khô. Hòa tan cặn trong 1 ml *ethyl acetat* (TT) được dung dịch thử.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 5 g bột Mạch nha (mẫu chuẩn). Tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 μl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai xong, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun *dung dịch acid nitric 15 % trong ethanol* (TT). Sấy ở 100 °C đến khi xuất hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Tỷ lệ mọc mầm

Lấy 10 g hạt lúa đại mạch (theo phương pháp lấy mẫu dược liệu, Phụ lục 12.1), chia làm 2 phần. Mỗi phần trải trên một nửa bề mặt phẳng, có đường ngăn chéo. Đếm số hạt mọc mầm trên tổng số hạt đem thử, tính ra tỷ lệ phần trăm số hạt mọc mầm. Tỷ lệ mọc mầm của dược liệu không được dưới 85 %.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 5,0 % (Phụ lục 9.8).

Chế biến

Mạch nha sao: Cho Mạch nha vào chảo, đun lửa vừa phải, đảo đều đến khi bốc mùi thơm, có màu nâu. Lấy ra để nguội, bỏ vỏ bằng cách sàng sảy. Mạch nha sao vàng có tác dụng hành khí tiêu thực, hồi sữa (làm mất sữa).

Mạch nha thán sao: Cho Mạch nha vào chảo, cho lửa lớn hơn khi sao vàng, đảo đều đến khi mạch nha cháy sém. Lấy ra để nguội, bỏ vỏ bằng cách sàng sảy. Mạch nha thán sao có tác dụng tiêu thực hóa trệ.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, mát, trong bao bì kín, tránh mốc, mọt.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc. Nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, tính bình. Vào các kinh tỳ, vị.

Công năng, chủ trị

Hành khí tiêu thực, kiện tỳ khai vị, làm hết sữa. Chủ trị: Thực tích không tiêu hóa. Vùng thượng vị đầy tức, trướng đau. Tỳ hư ăn kém, sữa uất tích lại căng vú đau (dùng cai sữa).

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 8 g đến 16 g. Làm mất sữa: 60 g. Dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Phụ nữ có thai, đang cho con bú không dùng.

MAI MỰC

Sepiae Os

Ô tặc cốt

Mai rửa sạch được làm khô của con Cá mực (*Sepia esculenta* Hoyle), họ Mực nang (Sepiidae). Mực bắt về bóc lấy mai (vỏ cứng bên ngoài), ngâm nước gạo hai ngày một đêm để giảm bớt chất mặn, hàng ngày thay nước. Rửa sạch. Luộc kỹ để tiết trùng, loại bỏ tạp chất, phơi khô. Không được sấy vì dễ chuyển thành màu vàng không tốt.

Mô tả

Mai mực hình bầu dục dài 13 cm đến 23 cm, rộng 6,5 cm đến 8 cm và dẹt, mép mỏng. Lưng cứng, màu trắng hay trắng ngà, hai bên có rìa màu vàng đậm hơn. Trên mặt lưng có u hạt nổi lên, xếp thành những đường vân hình chữ U mờ. Mặt bụng màu trắng, xốp, có những đường vân ngang nhỏ, dày đặc, tựa như những làn sóng gợn, có 1 rãnh dọc nông ở giữa mặt bụng. Mép như sừng của phần đuôi mở rộng dần và uốn cong về phía bụng, tận cùng phần đuôi có gai như chất xương, thường bị gãy và rơi rụng. Trừ phần lưng và mép bụng, có thể chất cứng, còn toàn bộ mai mực có thể dùng móng tay nghiền dễ dàng thành bột mịn. Vị hơi mặn và chất. Mùi hơi tanh.